

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày: 24- 09 – 2025.

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Y Ník Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Cường - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST - DS, ngày 08 tháng 01 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Chu Thị D**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: **Tổ dân phố D, xã E, tỉnh Đắk Lắk** (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: **Thôn I E, xã E, Đắk Lắk** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2025 và tại các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà **Chu Thị D** trình bày:*
Vào ngày 17/6/2024, bà **Chu Thị D** có cho ông **Phạm Văn T** vay số tiền

100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Khi vay, hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 1.000 đồng/ngày/triệu đồng, thời hạn vay là 03 ngày, tức ngày 20/6/2024 phải trả. Tuy nhiên, từ ngày vay cho đến nay đã quá hạn trả nợ, bà **D** đã nhiều lần đến nhà đòi, kể cả gọi điện thoại, nhưng ông **Phạm Văn T** vẫn chưa trả tiền cho bà **D**. Do đó, bà **D** khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Phạm Văn T** có trách nhiệm trả cho bà **Chu Thị D** số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức 20%/năm kể từ ngày chậm trả (ngày 21/7/2024) cho đến nay.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2025 bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:** Vào ngày 17/6/2024, ông **Phạm Văn T** có vay của bà **Chu Thị D** số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông **T** chưa trả tiền cho bà **D**. Nay bà **D** khởi kiện, yêu cầu ông trả số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật là 20%/năm kể từ ngày vay cho đến nay, thì ông **T** đồng ý trả, nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế quá khó khăn nên ông **T** sẽ trả cho bà **D** trong thời gian sớm nhất.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông **Phạm Văn T** đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông **Phạm Văn T**. Căn cứ Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Bà **Chu Thị D** trình bày ý kiến tranh luận: Bà **D** yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông **Phạm Văn T** có trách nhiệm trả cho bà **Chu Thị D** 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 20%/năm, kể từ ngày chậm trả (ngày 21/6/2024) cho đến nay.

- Bị đơn ông **Phạm Văn T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông **Phạm Văn T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi

làm việc, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Chu Thị D**. Buộc ông **Phạm Văn T** có trách nhiệm trả cho bà **Chu Thị D** 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 20%/năm, kể từ ngày chậm trả (21/6/2024) cho đến nay.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà **Chu Thị D**, ghi ngày 03 tháng 01 năm 2025 và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là 01 giấy vay tiền ghi ngày 17/06/2024, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông **Phạm Văn T**: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **Phạm Văn T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật

[3] Xét về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông **Phạm Văn T** trả cho bà **Chu Thị D** số tiền vay gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), HĐXX nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Phạm Văn T** khai nhận: ngày

17/6/2024, ông T có vay của bà Chu Thị D số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc, nhưng đến nay đã quá hạn trả mà ông T vẫn chưa thanh toán. Lời khai của ông T được bà D thừa nhận, căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Tòa án công nhận đó là sự thật, không cần phải chứng minh.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, nội dung không trái đạo đức xã hội và không vi phạm quy định pháp luật. Theo giấy vay tiền ngày 17/6/2024, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 ngày (tức đến ngày 20/6/2024). Tuy nhiên, cho đến nay ông T vẫn chưa trả tiền cho bà D, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự (BLDS).

Tại khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị D là có căn cứ. HĐXX căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn T trả cho bà Chu Thị D số tiền vay gốc 100.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[3.2] Về lãi suất: Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ không thể hiện lãi suất, nhưng bà D khai nhận các bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 1.000đ/1triệu đồng/01 ngày. Tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị HĐXX áp dụng mức lãi suất là 20%/ năm kể từ ngày chậm trả ngày 21/6/2024 cho đến nay đối với số tiền vay là 100.000.000 đồng và bị đơn ông Phạm Văn T đồng ý trả cho bà D tiền lãi theo mức lãi suất 20%/ năm, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tiền lãi phát sinh được tính như sau: Từ ngày 21/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/9/2025 là 459 ngày x 20%/ năm x 100.000.000đ/365 ngày = 25.150.684đ (hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc ông Phạm Văn T phải chịu 6.257.534đ (sáu triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm

trăm ba mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, (theo mức: 125.150.684đ x 5%).

Nguyên đơn bà **Chu Thị D** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Chu Thị D**.

1. Về số tiền: Buộc ông **Phạm Văn T** phải có trách nhiệm trả cho bà **Chu Thị D** tổng số tiền là 125.150.684đ (một trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng). Trong đó: số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 25.150.684 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (ông **Phạm Văn T**) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông **Phạm Văn T** phải chịu 6.257.534đ (sáu triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn bà **Chu Thị D** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, HĐXX không đề cập để giải quyết.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Chu Thị D** được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông **Phạm Văn T** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai